

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Ngọc Hiền
Ông Kim Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp ÔR, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Vĩnh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp ÔR, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 01/6/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Phạm Vĩnh T được mai mối, sau thời gian tìm hiểu nhau được khoảng ba tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH vào ngày 31/01/2013. Sau khi cưới nhau thì vợ chồng sống chung bên gia đình chồng tại ấp ÔR, xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng cùng đi làm thuê tại tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn tới việc chị xin ly hôn là do anh T không lo làm ăn để lo lắng cho gia đình mà suốt ngày ra ngoài chơi bời, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi, từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến ngày 23/3/2019 anh T bỏ chị đi và vợ chồng ly

thân cho đến nay. Nay chị khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Vĩnh T; về con chung, tài sản chung và nợ chung thì không có.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 10/8/2020, bị đơn anh Phạm Vĩnh T trình bày: Vào năm 2012 sau một thời gian quen biết tìm hiểu thì anh và chị Nguyễn Thị H được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh vào ngày 31/02/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng tại ấp ÔR, xã PH đến cuối năm 2017 thì vợ chồng cùng đi Đồng Nai làm, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Anh cũng thống nhất là vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục xét xử vắng mặt tất cả đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Vĩnh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy Nguyễn Thị H và anh Phạm Vĩnh T kết hôn vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện TC, tỉnh Trà Vinh, giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 31 tháng 01 năm 2013 nên hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị H là do anh T không lo làm ăn để lo lắng cho gia đình mà suốt ngày ra ngoài chơi bời, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi, từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến ngày 23/3/2019 anh T bỏ chị đi, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay và chị H quyết định xin ly hôn với anh T. Về con chung, tài sản chung nợ chung không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường bất đồng quan điểm và cự cãi với nhau. Nay anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H và xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Hội đồng xét xử xét tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Vĩnh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn và anh T đồng ý ly hôn chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thật sự rạn nứt, khó có thể hàn gắn được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T cũng là phù hợp.

[2] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh T xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Vĩnh T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009594 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên chị H không phải nộp tiếp.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- UBND xã PH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Duyên